

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-29
Báo cáo tình hình tài chính	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động	08-09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14-29

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2023 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 36/GPĐC-UBCK ngày 16/05/2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0307929497 cấp lần đầu ngày 25/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 09/09/2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Thuận	Chủ tịch
Ông Võ Trần Duy	Thành viên
Ông Đoàn Từ Tích Phước	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tấn Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Nguyễn Lê Thúy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Nguyễn Lê Thúy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hạnh Đoàn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Đỗ Đức Thịnh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Lê Trường Hoài Giang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/04/2023
Ông Nguyễn Tuấn Nhã	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18/04/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		52.579.542.375	73.873.448.523
110	I. Tài sản tài chính		51.884.901.354	73.844.521.928
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.564.712.997	22.424.897.378
111.1	1.1 Tiền		3.064.712.997	3.424.897.378
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		16.500.000.000	19.000.000.000
113	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	4	30.000.000.000	44.500.000.000
117	3. Các khoản phải thu	5	10.938.357	45.349.315
117.2	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		10.938.357	45.349.315
117.4	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		10.938.357	45.349.315
118	4. Trả trước cho người bán	6	2.309.250.000	6.874.275.235
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		694.641.021	28.926.595
133	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	694.641.021	11.920.595
137	2. Tài sản ngắn hạn khác		-	17.006.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		21.989.553.467	3.355.981.617
220	I. Tài sản cố định		20.642.307.161	1.771.025.694
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	17.904.190.934	1.398.177.113
222	- Nguyên giá		19.991.827.900	2.466.121.900
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.087.636.966)	(1.067.944.787)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.738.116.227	372.848.581
228	- Nguyên giá		5.309.312.000	2.634.460.000
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.571.195.773)	(2.261.611.419)
250	II. Tài sản dài hạn khác		1.347.246.306	1.584.955.923
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8	226.446.000	416.410.200
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	7	1.120.800.306	1.168.545.723
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>74.569.095.842</u>	<u>77.229.430.140</u>

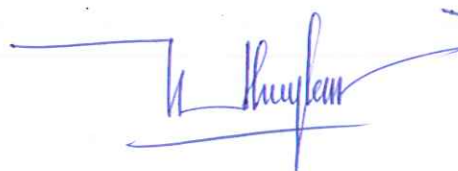
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

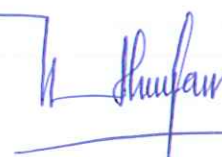
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		395.378.176	757.689.238
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		395.378.176	757.689.238
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	8.258.800	576.167.112
322	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	90.979.662	21.353.126
323	3. Phải trả người lao động		-	2.310.000
324	4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		149.111.800	13.959.000
325	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	144.127.914	141.000.000
329	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		2.900.000	2.900.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		74.173.717.666	76.471.740.902
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	74.173.717.666	76.471.740.902
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		157.500.000.000	157.500.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		157.500.000.000	157.500.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		157.500.000.000	157.500.000.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		(83.326.282.334)	(81.028.259.098)
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(83.326.282.334)	(81.028.259.098)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		<u>74.569.095.842</u>	<u>77.229.430.140</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	15	900.000.000	900.000.000
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		15.750.000	15.750.000



Trần Thị Thúy Lan
Người lập



Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

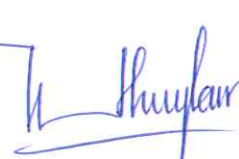
Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

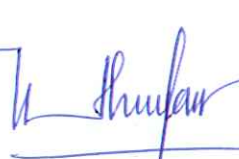
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 06 tháng đầu năm 2023



Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
02	1.1 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	16	2.449.835.615	-
08	1.2 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		-	2.751.875.000
20	Cộng doanh thu hoạt động		2.449.835.615	2.751.875.000
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
27	2.1 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		-	144.711.600
40	Cộng chi phí hoạt động		-	144.711.600
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	17	-	11.466.900
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		7.050.355	77.450.952
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		7.050.355	88.917.852
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
60	Cộng chi phí tài chính		-	-
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG		-	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	18	4.498.350.716	2.572.868.745
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(2.041.464.746)	123.212.507

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
06 tháng đầu năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	8.1 Thu nhập khác		1.000.000	29.658.069
72	8.2 Chi phí khác	19	257.558.490	17.778.620
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(256.558.490)	11.879.449
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(2.298.023.236)	135.091.956
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(2.298.023.236)	135.091.956
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	20	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(2.298.023.236)	135.091.956
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
400	Tổng thu nhập toàn diện		-	-
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	1.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	21	(146)	15


Trần Thị Thúy Lan
Người lập


Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2023

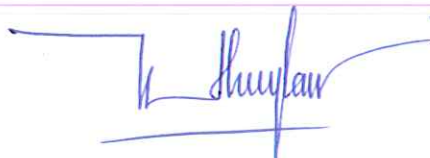
(Theo phương pháp gián tiếp)

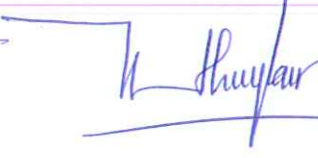
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.298.023.236)	135.091.956
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.322.226.178	298.370.064
03	- Khấu hao tài sản cố định		1.329.276.533	375.821.016
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.050.355)	(77.450.952)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.559.120.322	139.358.742.365
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		14.500.000.000	-
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		34.410.958	3.750.000
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		-	(458.175.000)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		6.832.031.235	2.261.805.671
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		3.127.914	-
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(634.975.009)	88.656.719
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(567.908.312)	-
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		135.152.800	(10.963.820)
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		69.626.536	(21.391.205)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(2.310.000)	-
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		-	137.495.060.000
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		189.964.200	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.583.323.264	139.792.204.385
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(22.450.558.000)	-
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		7.050.355	77.450.952
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(22.443.507.645)	77.450.952
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		(2.860.184.381)	139.869.655.337


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
06 tháng đầu năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		22.424.897.378	3.797.981.838
101.1	- Tiền		3.424.897.378	297.981.838
101.2	- Các khoản tương đương tiền		19.000.000.000	3.500.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	19.564.712.997	143.667.637.175
103.1	- Tiền		3.064.712.997	140.667.637.175
103.2	- Các khoản tương đương tiền		16.500.000.000	3.000.000.000




Trần Thị Thúy Lan
Người lập


Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG**
06 tháng đầu năm 2023


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
07	1. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	106.867.227
08	2. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	(106.867.227)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		-	-
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		-	-



Trần Thị Thúy Lan
Người lập



Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2023

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số dư cuối kỳ	
		01/01/2023		30/06/2023	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
		VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	157.500.000.000	-	-
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		90.000.000.000	157.500.000.000	-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(79.801.320.249)	(81.028.259.098)	(2.298.023.236)	(83.326.282.334)
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(79.801.320.249)	(81.028.259.098)	(2.298.023.236)	(83.326.282.334)
TỔNG CỘNG		10.198.679.751	76.471.740.902	(2.298.023.236)	74.173.717.666


Trần Thị Thủy Lan
Người lập

Trần Thị Thủy Lan
Kế toán trưởngNguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2023

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, các Giấy phép điều chỉnh từ năm 2013 đến năm 2023 trong đó Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 36/GPĐC-UBCK ngày 16/05/2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0307929497 cấp lần đầu ngày 25/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 09/09/2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 157.500.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 157.500.000.000 đồng; tương đương 15.750.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 13 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 13 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2023, Công ty đang lỗ lũy kế là 83,33 tỷ đồng, tương ứng 52,91% vốn góp của chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty có phát sinh doanh thu hoạt động tài chính từ tiền gửi có kỳ hạn của khoản vốn góp chưa sử dụng sau khi chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2022 cho nên Công ty vẫn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và duy trì hoạt động. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã hoàn tất thủ tục xin cấp phép thực hiện triển khai nghiệp vụ môi giới chứng khoán và đang trong quá trình đầu tư cơ sở hạ tầng để đưa vào vận hành.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) *Nguyên tắc phân loại*

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Phần mềm giao dịch	05 - 08 năm

2.8 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 36 tháng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.14 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

2.15 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.16 . Doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

2.17 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	3.064.712.997	3.424.897.378
Các khoản tương đương tiền (*)	16.500.000.000	19.000.000.000
	<u>19.564.712.997</u>	<u>22.424.897.378</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu với lãi suất 4,75%/năm.

4 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên (*)	30.000.000.000	44.500.000.000
	<u>30.000.000.000</u>	<u>44.500.000.000</u>

(*): Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	10.938.357	45.349.315
	<u>10.938.357</u>	<u>45.349.315</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Liên Phát	-	4.497.834.000
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	-	1.221.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	2.250.000.000	750.000.000
Công ty TNHH Cloudtech	-	316.253.400
Trả trước cho người bán khác	59.250.000	89.187.835
	<u>2.309.250.000</u>	<u>6.874.275.235</u>

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	17.744.271	8.149.167
Chi phí thuê tủ rack	534.600.000	-
Chi phí dịch vụ dữ liệu hàng tháng	120.384.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	21.912.750	3.771.428
	694.641.021	11.920.595

b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	297.387.221	231.545.065
Sửa chữa, cải tạo văn phòng	752.508.826	937.000.658
Chi phí trả trước dài hạn khác	70.904.259	-
	1.120.800.306	1.168.545.723

8 . CÀM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	226.446.000	416.410.200
	226.446.000	416.410.200

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2023	2.181.771.900	284.350.000	2.466.121.900
Mua trong kỳ	17.525.706.000	-	17.525.706.000
Tại ngày 30/06/2023	19.707.477.900	284.350.000	19.991.827.900
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2023	816.671.965	251.272.822	1.067.944.787
Khấu hao trong kỳ	1.013.859.961	5.832.218	1.019.692.179
Tại ngày 30/06/2023	1.830.531.926	257.105.040	2.087.636.966
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2023	1.365.099.935	33.077.178	1.398.177.113
Tại ngày 30/06/2023	17.876.945.974	27.244.960	17.904.190.934

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 432.575.000 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2023	2.634.460.000
Mua trong kỳ	2.674.852.000
Tại ngày 30/06/2023	<u>5.309.312.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2023	2.261.611.419
Khấu hao trong kỳ	309.584.354
Tại ngày 30/06/2023	<u>2.571.195.773</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2023	372.848.581
Tại ngày 30/06/2023	<u><u>2.738.116.227</u></u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 831.300.000 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ Công nghệ Toàn Thắng	-	170.011.254
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Nội thất Toàn Cầu	-	375.972.126
Phải trả các đối tượng khác	8.258.800	30.183.732
	<u>8.258.800</u>	<u>576.167.112</u>

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.000.545
Thuế Thu nhập cá nhân	90.979.662	18.352.581
	<u>90.979.662</u>	<u>21.353.126</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí quản lý khác	102.877.914	64.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.250.000	77.000.000
	<u>144.127.914</u>	<u>141.000.000</u>

14 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2023 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2023 VND
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	49,00%	77.175.000.000	49,00%	77.175.000.000
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hòa	17,00%	26.775.000.000	17,00%	26.775.000.000
- Ông Lê Hùng Cường	17,00%	26.775.000.000	17,00%	26.775.000.000
- Ông Lê Công Trường	17,00%	26.775.000.000	17,00%	26.775.000.000
	100%	157.500.000.000	100%	157.500.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(83.326.282.334)	(81.028.259.098)
	(83.326.282.334)	(81.028.259.098)

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(81.028.259.098)	(79.801.320.249)
Lỗ/lãi đã thực hiện kỳ nay tính từ đầu kỳ	(2.298.023.236)	135.091.956
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	(83.326.282.334)	(79.666.228.293)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	(83.326.282.334)	(79.666.228.293)

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	157.500.000.000	90.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	157.500.000.000	90.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	157.500.000.000	90.000.000.000

e) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.750.000	15.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.750.000	15.750.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.750.000	15.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.750.000	15.750.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.750.000	15.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV

Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

15 . THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0

- a) Tài sản thuê ngoài
Công ty thuê văn phòng tại tầng 2 của Tòa nhà IMV, địa chỉ số 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Việt Nam để sử dụng với mục đích làm văn phòng. Diện tích thuê là 146 m2 với đơn giá thuê là 568.700 VND/m2/tháng với thời hạn hợp đồng từ ngày 25/12/2022 đến ngày 24/12/2025. Tại ngày 30/06/2023 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	996.362.400	996.362.400
- Trên 1 năm đến 5 năm	1.494.543.600	1.992.724.800
	<u>2.490.906.000</u>	<u>2.989.087.200</u>
b) Nợ khó đòi đã xử lý		
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
	900.000.000	900.000.000

16 . THU NHẬP

a) Tiền lãi phát sinh từ HTM

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	2.449.835.615	-
	<u>2.449.835.615</u>	<u>-</u>
b) Doanh thu dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp		
	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	2.751.875.000
	<u>-</u>	<u>2.751.875.000</u>

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	11.466.900
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	11.466.900
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	7.050.355	77.450.952
	<u>7.050.355</u>	<u>88.917.852</u>

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	1.518.174.497	546.476.514
Chi phí vật tư văn phòng	1.763.820	1.430.360
Chi phí công cụ, dụng cụ	70.732.073	-
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.329.276.533	231.109.416
Chi phí thuế, phí và lệ phí	29.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.464.718.110	1.524.241.234
Chi phí khác	84.685.683	266.611.221
	<u>4.498.350.716</u>	<u>2.572.868.745</u>

19 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	237.455.250	-
Các khoản bị phạt, chậm nộp	20.103.240	-
Các khoản khác	-	17.778.620
	<u>257.558.490</u>	<u>17.778.620</u>

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.298.023.236)	135.091.956
Các khoản điều chỉnh tăng	1.409.023.434	-
- Chi phí không hợp lệ	1.409.023.434	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(135.091.956)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(135.091.956)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(888.999.802)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>-</u>	<u>-</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(2.298.023.236)	135.091.956
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(2.298.023.236)	135.091.956
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.750.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(146)</u>	<u>15</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.564.712.997	-	-	19.564.712.997
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Các khoản phải thu	10.938.357	-	-	10.938.357
	<u>49.575.651.354</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>49.575.651.354</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.424.897.378	-	-	22.424.897.378
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	44.500.000.000	-	-	44.500.000.000
Các khoản phải thu	45.349.315	-	-	45.349.315
	<u>66.970.246.693</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>66.970.246.693</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	11.158.800	-	-	11.158.800
Chi phí phải trả	144.127.914	-	-	144.127.914
	<u>155.286.714</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>155.286.714</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	579.067.112	-	-	579.067.112
Chi phí phải trả	141.000.000	-	-	141.000.000
	<u>720.067.112</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>720.067.112</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2023	2022
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Đỗ Quang Thuận Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 13/07/2022)	-	-
Ông Võ Trần Duy Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12/07/2022)	-	-
Ông Đoàn Từ Tích Phước Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12/07/2022)	-	-
Ông Jia Minghui Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 13/07/2022)	-	-
Ông Jiang Wen Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 13/07/2022)	-	-
Ông Li Zhiguo Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 13/07/2022)	-	-
Ông Nguyễn Tấn Huy Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/05/2023)	152.508.548	-
Ông Nguyễn Kim Hậu Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/07/2022)	-	-
Bà Nguyễn Lê Thúy Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/09/2022) Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/09/2022)	366.466.538	-
Bà Vũ Thị Thúy Hà Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/12/2022)	-	150.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Hạnh Đoàn Trưởng ban BKS (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Ông Lê Trường Hoài Gang Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 15/09/2022) Tái bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Bà Trần Thị Thu Hương Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Ông Đỗ Đức Thịnh Trưởng ban BKS (Bổ nhiệm ngày 15/09/2022) Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Ông Nguyễn Tuấn Nhã Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 15/09/2022) Miễn nhiệm ngày 18/04/2023)	-	-
Bà Vũ Thị Hoài Thu Trưởng ban BKS (Miễn nhiệm ngày 15/09/2022)	-	-
Bà Dương Thùy Trang Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 15/09/2022)	-	-
Bà Đặng Thị Hương Thảo Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 15/09/2022)	-	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

		
Trần Thị Thúy Lan Người lập Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023	Trần Thị Thúy Lan Kế toán trưởng	Nguyễn Tấn Huy Tổng Giám đốc

